

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KỲ KẾ TOÁN 9 THÁNG	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 6 ngày 29/08/2019 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/06/2020)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

			30/09/2020	01/01/2020
	MS	TM	VND	VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		886.580.563.143	900.919.567.539
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.572.502.718	11.427.089.703
1. Tiền	111		10.572.502.718	11.427.089.703
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		457.402.712.019	460.733.692.449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	216.198.441.817	218.343.968.178
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	283.370.074.749	289.265.167.636
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	196.958.490.992	194.427.849.805
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(244.847.920.468)	(244.847.920.468)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	5.723.624.929	3.544.627.298
IV. Hàng tồn kho	140		404.037.214.672	409.956.746.203
1. Hàng tồn kho	141	5.7	404.037.214.672	409.956.746.203
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.168.133.734	18.402.039.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.208.611.498	3.393.349.775
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.858.165.867	14.907.333.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	101.356.369	101.356.369
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		479.648.778.524	484.081.459.258
(200 = 210+220+230+ 240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		302.945.853.740	302.889.853.740
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	302.945.853.740	302.889.853.740
II. Tài sản cố định	220		5.049.096.855	6.469.327.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	5.049.096.855	6.469.327.542
- Nguyên giá	222		77.459.476.896	77.459.476.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.410.380.041)	(70.990.149.354)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		10.700.000	10.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.700.000)	(10.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	56.257.899.457	56.257.899.457
1. Nguyên giá	231		56.257.899.457	56.257.899.457
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.969.757.459	38.061.852.040
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	37.969.757.459	38.061.852.040
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	70.718.993.297	70.718.993.297
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		63.899.879.355	63.899.879.355
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.519.113.942	9.519.113.942
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.700.000.000)	(2.700.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.707.177.716	9.683.533.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	6.707.177.716	9.683.533.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.366.229.341.667	1.385.001.026.797

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

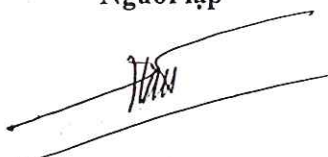
Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.071.188.316.231	2.051.181.861.096
I. Nợ ngắn hạn	310		1.534.519.087.926	1.516.016.588.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	301.157.627.334	312.601.951.442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	76.128.319.447	75.778.163.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	29.084.032.019	28.702.090.364
4. Phải trả người lao động	314		16.062.611.982	17.908.969.629
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	688.723.183.566	659.378.832.542
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	118.145.981.656	115.314.151.369
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	304.602.708.014	305.850.663.414
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		401.091.346	268.233.346
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		213.532.562	213.532.562
II. Nợ dài hạn	330		536.669.228.305	535.165.272.905
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	29.339.344.633	29.339.344.633
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	263.950.940.271	263.750.940.271
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	4.403.955.400	3.100.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	238.974.988.001	238.974.988.001
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		(704.958.974.564)	(666.180.834.299)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	(704.963.717.564)	(666.185.577.299)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	270.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.126.376.429	24.126.376.429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.072.018.933	1.072.018.933
4. Cổ phiếu quỹ	415		(390.000.000)	(390.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.413.502.573	26.413.502.573
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		25.981.000	25.981.000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.158.136.532	6.158.136.532
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.011.694.953.442)	(973.087.111.579)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(973.087.111.579)	(900.231.432.001)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(38.607.841.863)	(72.855.679.578)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(20.674.779.589)	(20.504.481.187)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.743.000	4.743.000
1. Nguồn kinh phí	432		4.743.000	4.743.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.366.229.341.667	1.385.001.026.797

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng



Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020
 Tổng Giám đốc

 La Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/07/2020	Từ 01/07/2019	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/09/2020	đến 30/09/2019	đến 30/09/2020	đến 30/09/2019
			VND	VND	VND	VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.793.617.917	4.422.114.709	32.959.012.393	44.379.212.091
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.793.617.917	4.422.114.709	32.959.012.393	44.379.212.091
4 Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.890.232.831	3.398.928.252	30.320.707.247	41.806.104.093
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		903.385.086	1.023.186.457	2.638.305.146	2.573.107.998
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.679.269	497.844.672	134.880.671	605.383.066
7 Chi phí tài chính	22	5.4	6.764.818.959	13.185.000.000	33.393.148.554	40.556.037.395
23 Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.764.818.959	13.185.000.000	33.393.148.554	39.556.037.395
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	124.564.559		1.450.968.712
9 Chi phí bán hàng	25		-	7.609.074		12.259.074
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.699.889.224	4.580.708.530	9.891.857.077	13.132.915.278
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(8.559.643.828)	(16.127.721.916)	(40.511.819.814)	(49.071.751.971)
11 Thu nhập khác	31		42.000.000	95.600.000	2.047.867.845	2.150.123.254
12 Chi phí khác	32		65.239.096	32.618.266	143.889.894	143.051.812
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.6	(23.239.096)	62.981.734	1.903.977.951	2.007.071.442
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(8.582.882.924)	(16.064.740.182)	(38.607.841.863)	(47.064.680.529)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(8.582.882.924)	(16.064.740.182)	(38.607.841.863)	(47.064.680.529)

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng



Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán kết	Cho kỳ kế toán kết
		thúc ngày 30/09/2020 VND	thúc ngày 30/09/2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(38.607.841.863)	(47.064.680.529)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.517.768.555	2.946.704.770
- Các khoản dự phòng	03	268.233.346	568.193.377
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(123.926.816)	(497.844.672)
- Chi phí lãi vay	06	33.393.148.554	39.556.037.395
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(493.073.224)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.045.691.448)	(4.491.589.659)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.375.959.721	36.601.118.188
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.466.520.176	12.326.150.113
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(15.158.176.371)	(4.481.745.221)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.276.874.121	2.587.096.255
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(39.556.037.395)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.084.513.801)	2.984.992.281
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(371.682.848)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.926.816	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	123.926.816	(371.682.848)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.106.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.106.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(854.586.985)	2.613.309.433
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.427.089.703	10.548.635.463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	10.572.502.718	13.161.944.896


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Người lập


Nguyễn Thị Khánh Hậu

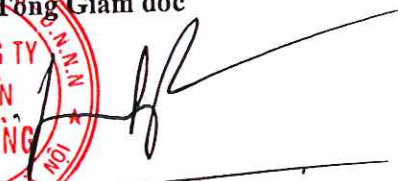
Kế toán trưởng


Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Tổng Giám đốc




Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 6 ngày 29/08/2019 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ là 33 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

• Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu cống, thủy điện, buro điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế, các công trình thêm lục địa, cảng sông, cảng biển; Xây dựng lắp đặt hệ thống nước y tế, khí sạch, thiết bị thí nghiệm, xử lý môi trường trong các công trình y tế;

• Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

• Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

• Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;

• Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

• Lắp đặt hệ thống điện;

• Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

• Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;

• Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

• Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

• Sản xuất sắt, thép, gang;

• Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

• Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

• Bán buôn tổng hợp;

• Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

• Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;

• Lập trình máy vi tính;

• Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

• Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/09/2020, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty Cổ phần XD Dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	51,00%	57,08%
Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	43,25%	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	20%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	25,11%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	7,33%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	62,81%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	21,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo lập cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc tại ngày 30/09/2020 của Tổng Công ty được lập phù hợp với thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc tại ngày 30/09/2020.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư trên

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Tiền lãi quá hạn chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC).

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.037.931.618	3.985.052.980
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.534.571.100	7.442.036.723
Tổng	10.572.502.718	11.427.089.703

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	216.198.441.817	218.343.968.178
BQL DA ĐTPT giao thông đô thị Hà Nội	16.029.578.821	16.029.578.821
BQL DA Cung quy hoạch Quảng Ninh	27.762.039.000	27.762.039.000
Các đối tượng khác	172.406.823.996	174.552.350.357
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Tổng	216.198.441.817	218.343.968.178

5.3 Trả trước cho người bán

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	283.370.074.749	289.265.167.636
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (SH Đà Nẵng)	43.574.509.655	43.574.509.655
Đối tượng khác	113.405.478.963	119.300.571.850
Trả trước người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)	-	-
Tổng	283.370.074.749	289.265.167.636

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.4 Phải thu khác

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	196.958.490.992	(127.083.697.935)	194.427.849.805	(127.083.697.935)
Tạm ứng	35.461.901.967	(7.984.792.471)	32.720.421.968	(7.984.792.471)
Ký cược, ký quỹ	209.188.415	-	209.188.415	-
Phải thu về Cổ phần hóa	5.115.072.141	(3.682.505.370)	5.115.072.141	(3.682.505.370)
Phải thu khác:		-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	35.470.547.873	(35.470.547.876)	35.470.547.873	(35.470.547.876)
<i>Phải thu khác</i>	120.701.780.596	(79.945.852.218)	120.912.619.408	(79.945.852.218)
b) Dài hạn	302.945.853.740	-	302.889.853.740	-
Ký cược, ký quỹ	5.820.000.000	-	6.228.000.000	-
Ban QLDA Thái Hà	284.991.326.978	-	284.991.326.978	-
Các khoản khác	12.134.526.762	-	11.670.526.762	-
Tổng	499.904.344.732	(127.083.697.935)	497.317.703.545	(127.083.697.935)

5.5 Nợ xấu

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

353.118.809.971	108.270.889.503	353.118.809.971	108.270.889.503
-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

	Số tiền
Tên công ty	
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	317.572.846.583
Công ty TNHH MTV Cơ giới và xây dựng Sông Hồng	7.068.841.543
CT TNHH MTV Sông Hồng An Dương	5.802.694.676
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	18.544.521.691
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	4.129.905.478
Tổng	353.118.809.971

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/09/2020	01/01/2020
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Tiền mặt	2.779.525.265	2.779.525.265
Tài sản cố định	499.172.496	499.172.496
Tài sản khác	2.444.927.168	265.929.537
Tổng	5.723.624.929	3.544.627.298

5.7 Hàng tồn kho

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.944.486	-	18.944.486	-
Công cụ, dụng cụ	154.449.140	-	154.449.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	379.526.750.776	-	385.446.282.307	-
Hàng hoá	24.337.070.270	-	24.337.070.270	-
Tổng	404.037.214.672	-	409.956.746.203	-

(i) Lô đất tại khu biệt thự Tây Hồ đã được chuyển nhượng và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này được ghi nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" của Báo cáo tài chính với số tiền 24.655.500.000 đồng.

5.8 Chi phí trả trước

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.208.611.498	3.393.349.775
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3.208.611.498	3.393.349.775
b) Dài hạn	6.707.177.716	9.683.533.182
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	91.666.905	131.139.014
Giá trị thương hiệu TCT Cổ phần Sông Hồng	-	333.333.320
Lợi thế thương mại:	-	-
Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	5.872.409.255	8.404.803.215
Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.342	222.475.342
Chi phí trả trước dài hạn khác	520.626.214	591.782.291
Tổng	9.915.789.214	13.076.882.957

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	30/09/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	101.356.369	-	-	101.356.369
Thuế GTGT nộp thừa				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	92.821.146	-	-	92.821.146
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.535.223	-	-	8.535.223
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/09/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	28.702.090.364	277.224.641	143.901.179	29.084.032.019
Thuế giá trị gia tăng	22.557.419.372	127.869.420	-	27.021.576.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.027.288		-	2.038.795
Thuế thu nhập cá nhân	395.463.132	80.577.976	75.123.934	392.839.916
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.315.524.400	54.343.328	54.343.328	695.749.000
Các loại thuế khác	371.417.980	11.000.000	11.000.000	371.417.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.765.238.192	3.433.917	3.433.917	600.409.364

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

MÃU B 09A - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	20.055.650.992	42.843.843.429	15.076.953.779	1.019.950.648	78.996.398.848
Tăng trong kỳ	-	-	217.475.000	-	217.475.000
Sửa chữa hoàn thành	-	-	217.475.000	-	217.475.000
Giảm trong kỳ	-	-	1.754.396.952	-	1.754.396.952
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.754.396.952	-	1.754.396.952
Số dư tại 30/09/2020	20.055.650.992	42.843.843.429	13.540.031.827	1.019.950.648	77.459.476.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	15.999.341.819	41.528.978.752	12.670.754.247	791.074.536	70.990.149.354
Tăng trong kỳ	290.871.552	892.273.881	237.085.254	-	1.420.230.687
Khấu hao trong kỳ	290.871.552	892.273.881	237.085.254	-	1.420.230.687
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2020	16.290.213.371	42.421.252.633	12.907.839.501	791.074.536	72.410.380.041
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2020	4.056.309.173	1.314.864.677	2.406.199.532	228.876.112	8.006.249.494
Số dư tại 30/09/2020	3.765.437.621	422.590.796	632.192.326	228.876.112	5.049.096.855

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2, Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35.602.635.193	35.602.635.193
Dự án Lĩnh Nam	502.947.394	502.947.394
Dự án khác	1.864.174.872	1.956.269.453
Tổng	37.969.757.459	38.061.852.040

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36.7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch (18 tháng). Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*)
a) Đầu tư Công ty liên kết	63.899.879.355	-	63.899.879.355	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	480.912.114	-	480.912.114	-
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	342.588.851	-	342.588.851	-
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	47.233.993.143	-	47.233.993.143	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	3.205.224.797	-	3.205.224.797	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	648.026.584	-	648.026.584	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	4.374.920.871	-	4.374.920.871	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	344.772.685	-	344.772.685	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	-	-	-	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1.277.301.907	-	1.277.301.907	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	5.992.138.403	-	5.992.138.403	-
b) Đầu tư dài hạn khác	9.519.113.942	(2.700.000.000)	9.519.113.942	(2.700.000.000)
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	1.038.110	-
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	1.264.586.273	-	1.264.586.273	-
Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Sông Hồng	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	1.563.089.559	-	1.563.089.559	-
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long	1.490.400.000	-	1.490.400.000	-
Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình	-	-	-	-
Tổng	73.418.993.297	(2.700.000.000)	73.418.993.297	(2.700.000.000)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

Phải trả người bán

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Ngắn hạn	301.157.627.334	-	312.601.951.442	-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42.027.229.051		42.027.229.051	
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	19.913.332.099		19.913.332.099	
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18.041.860.622		18.041.860.622	
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thuyền Đông Bắc	28.493.447.615		28.493.447.615	
Đối tượng khác	192.681.757.947		204.126.082.055	
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng	301.157.627.334	-	312.601.951.442	-

Đơn vị tính: VND

(*) Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	76.128.319.447	75.778.163.523
Dự án biệt thự Tây Hồ	24.655.500.000	24.655.500.000
Đối tượng khác	51.472.819.447	51.122.663.523
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)		
Tổng	76.128.319.447	75.778.163.523

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.15 Chi phí phải trả

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	688.723.183.566	659.378.832.542
Chi phí lãi vay phải trả	343.936.618.336	310.543.469.782
Trích trước giá vốn Bất động sản đầu tư	84.790.344.369	84.790.344.369
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (iii)	233.626.093.012	233.626.093.012
Chi phí khác	26.370.127.849	30.418.925.379
b) Dài hạn	29.339.344.633	29.339.344.633
Lãi vay phải trả	29.339.344.633	29.339.344.633
Tổng	718.062.528.199	688.718.177.175

(i): Chi phí phải trả chưa có hóa đơn GTGT. trích trước qua nhiều năm tài chính và chưa được thanh quyết toán tại ngày 30/09/2020.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.16 Phải trả, phải nộp khác

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	118.145.981.656	115.314.151.369
Kinh phí công đoàn	935.295.889	949.298.041
Bảo hiểm xã hội;	5.593.954.956	5.190.034.005
Bảo hiểm y tế	733.108.402	713.227.244
Phải trả về cổ phần hóa	4.176.729.883	4.195.669.215
Bảo hiểm thất nghiệp	238.109.513	231.154.813
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.477.647	40.477.647
Các khoản phải trả khác	106.428.305.366	103.994.290.404
b) Dài hạn	263.950.940.271	263.750.940.271
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn để làm sổ đỏ biệt thự D3	200.000.000	200.000.000
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3		
Dự án Thái Hà chờ quyết toán	227.573.438.212	227.573.438.212
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174.205.096	174.205.096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo số tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30.498.000.000	30.498.000.000
Phải trả tiền ký quỹ để làm sổ đỏ biệt thự D3	-	-
Phải trả phải nộp dài hạn khác	5.505.296.963	5.305.296.963
Tổng	382.096.921.927	379.065.091.640

5.17 Dự phòng phải trả

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	401.091.346	268.233.346
Dự phòng phải trả khác	401.091.346	268.233.346
b) Dài hạn	238.974.988.001	238.974.988.001
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	238.974.988.001	238.974.988.001
Tổng	239.376.079.347	239.243.221.347

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A - DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị		Giá trị		
	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	
a) Vay ngắn hạn	304.602.708.014	304.602.708.014	56.000.000	305.850.663.414	305.850.663.414
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67.378.692.253	67.378.692.253	-	67.378.692.253	67.378.692.253
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	34.221.454.880	34.221.454.880	-	34.221.454.880	34.221.454.880
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (vì)	191.809.390.313	191.809.390.313	-	191.809.390.313	191.809.390.313
Vay đối tượng khác	11.193.170.568	11.193.170.568	56.000.000	12.441.125.968	12.441.125.968
b) Vay dài hạn	4.403.955.400	4.403.955.400	-	3.100.000.000	3.100.000.000
Đối tượng khác	4.403.955.400	4.403.955.400	-	3.100.000.000	3.100.000.000
Tổng	309.006.663.414	309.006.663.414	56.000.000	308.950.663.414	308.950.663.414

(i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014. Khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016. Lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn. Đến thời điểm 30/09/2020, giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Tĩnh chưa có văn bản thỏa thuận gia hạn khoản vay trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2019	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(891.923.309.548)	(20.474.603.750)	(584.991.897.831)	
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	81.163.802.031	29.877.437	81.193.679.468	
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	72.825.802.141	29.877.437	72.855.679.578	
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	205.914.102	-	205.914.102	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	8.132.085.788	-	8.132.085.788	
Số dư tại 31/12/2019	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(973.087.111.579)	(20.504.481.187)	(666.185.577.299)	
Số dư tại 01/01/2020	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(973.087.111.579)	(20.504.481.187)	(666.185.577.299)	
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	38.730.940.972	170.298.402	38.901.239.374	
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	30.392.941.082	170.298.402	30.563.239.484	
Nhận bàn giao từ Ban NXB	-	-	-	-	-	-	-	205.914.102	-	205.914.102	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	8.132.085.788	-	8.132.085.788	
Số dư tại 30/09/2020	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(1.011.694.953.442)	(20.674.779.589)	(704.963.717.564)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132.412.000.000	132.412.000.000
Phan Việt Anh	40.219.780.000	40.219.780.000
Phạm Thị Phương Thúy	29.874.000.000	29.874.000.000
Lã Tuấn Hưng	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ đông khác	42.494.220.000	42.494.220.000
Tổng	270.000.000.000	270.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	
Vốn góp giảm trong năm	-	
Vốn góp tại ngày 30 tháng 09	270.000.000.000	270.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/09/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	39.000	39.000
Cổ phiếu phổ thông	39.000	39.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.961.000	26.961.000
Cổ phiếu phổ thông	26.961.000	26.961.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.413.502.573	26.413.502.573
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.158.136.532	6.158.136.532

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.959.012.393	44.379.212.091
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Tổng	32.959.012.393	44.379.212.091

5.22 Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.320.707.247	41.806.104.093
Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hợp đồng xây dựng		
Tổng	30.320.707.247	41.806.104.093

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Lãi tiền gửi	134.880.671	605.383.066
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Lãi bán đầu giá cổ phần		
Lãi chậm trả từ nợ phải thu		
Tổng	134.880.671	605.383.066

5.24 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Chi phí lãi vay	33.393.148.554	40.556.037.395
Dự phòng đầu tư dài hạn		-
Chi phí hoạt động tài chính khác		-
Tổng	33.393.148.554	40.556.037.395

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.25 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.891.857.077	13.132.915.278
Chi phí nhân viên quản lý	5.599.263.995	5.130.699.146
Chi phí vật liệu quản lý	42.353.457	91.810.954
Chi phí đồ dùng văn phòng	415.416.866	769.245.772
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.713.988.673	3.093.913.940
Thuế, phí và lệ phí	250.160.293	195.032.343
Chi phí dự phòng		(431.806.623)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.551.817	550.306.985
Chi phí bằng tiền khác	1.472.121.976	3.733.712.761

5.26 Thu nhập khác, chi phí khác

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Thu nhập khác		
Tiền lương không phải trả	1.477.157.924	
Công nợ được xóa	368.123.578	1.755.794.545
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ		
Chuyển nhượng dự án	-	
Thu nhập khác	202.586.343	394.328.709
Tổng	2.047.867.845	2.150.123.254
Chi phí khác		
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế		
Chi phí quản lý, vận hành chung cư	-	
Chuyển nhượng dự án	-	
Khấu hao Tài sản cố định cho thuê	-	
Chi phí khác	143.889.894	143.051.812
Tổng	143.889.894	143.051.812
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.903.977.951	2.007.071.442

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/07/2020 đến	Từ 01/07/2019 đến
		30/09/2020	30/09/2019
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Lương, Thù lao	1.351.957.360	1.035.495.310

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Công ty con			
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả người bán	1.180.761.944	1.180.761.944
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	40.297.000	40.297.000
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	75.267.249	75.267.249
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1.275.927.812	1.275.927.812
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	1.602.678.799	2.802.678.799
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	2.528.899.709	2.528.899.709
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải trả người bán	2.330.952.761	2.330.952.761
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	28.630.875.281	53.632.329.162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	19.268.332.099	25.074.712.444
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18.041.860.622	18.041.860.622
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6.644.357.996	6.644.357.996
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	338.941.257	338.941.257
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả người bán	9.963.196.560	10.491.190.560

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	2.344.100.658	2.344.100.658
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	465.894.516	465.894.516
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	2.495.748.102	2.495.748.102
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	15.750.000	15.750.000
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	28.741.244	28.741.244
Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải trả khác	183.729.793	1.816.402
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả khác	30.057.244	30.000.000
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả khác	7.070.752	6.920.644
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả khác	547.709	547.709
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	564.011.674	564.011.674
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	9.578.124.594	9.578.124.594
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải trả khác	1.459.928.800	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả khác	85.370.000	85.370.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải trả khác	37.269.382	20.739.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	18.083.013	18.083.013
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	4.125.000.000	2.000.000.000
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Phải trả khác	3.862.093.801	3.862.093.801
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả khác	28.189.091	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)		MẪU B 09A - DN/HN	
		30/09/2020	01/01/2020
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	VND	VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khách hàng	72.655.152	7.594.011.252
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	8.601.928.561	8.601.928.561
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.897.962.892	3.897.962.892
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13.505.443.049	13.505.443.049
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13.776.454	13.776.454
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	73.870.335	573.870.335
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.191.001.774	3.191.001.774
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	557.364.685	557.364.685
c) Đầu tư dài hạn khác			
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/09/2020	01/01/2020
		VND	VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Trả trước người bán	6.843.008.120	6.843.008.120
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Trả trước người bán	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Trả trước người bán	43.574.509.655	43.574.509.655
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Trả trước người bán	20.705.176.191	19.132.576.433
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Trả trước người bán	1.864.500.000	347.500.000
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Trả trước người bán	1.373.400.000	1.373.400.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1.000.000.000	
c) Đầu tư dài hạn khác			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)		Trả trước người bán	459.622.441	459.622.441
		Tính chất giao dịch	30/09/2020	01/01/2020
Các khoản phải thu			VND	VND
a) Công ty con				
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khác		181.913.391	181.913.391
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải thu khác		20.545	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải thu khác		1.838.094.178	1.838.094.178
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khác		307.287.081	307.287.081
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khác		19.746.721.732	19.728.917.598
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác		75.086.560	75.086.560
b) Công ty liên doanh liên kết				
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác		26.527.320.279	26.527.320.279
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác		1.929.686.382	1.929.686.382
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác		8.792.920.720	8.747.653.581
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác		3.320.000.000	3.320.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải thu khác		409.963.201	182.503.200
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác		874.539.347	874.539.347
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác		59.951.900	59.951.900
c) Đầu tư dài hạn khác				
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải thu khác		12.600.000	12.600.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	30/09/2020	30/09/2019
		VND	VND
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	Thuê thi công	5.346.270.859	-
Bán hàng			
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP đầu tư XD Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	28.690.910	35.505.000

6.2 Thông tin khác

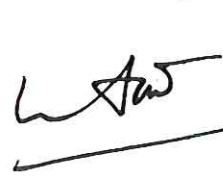
- i. Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103.92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế dự án. Tuy nhiên, dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.
- ii. Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315.8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576.29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213.8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng



Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng